

Bài 11: Truyện Kiều

TỔNG KẾT ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

Giá Trị Luân Lý

Về phương diện văn chương, ai cũng công nhận *Đoạn Trường Tân Thanh* là hay. Nhưng về giá trị luân lý, xưa nay các học giả kẻ khen người chê, gây ra cuộc tranh luận sôi nổi, nhất là từ năm 1942 trở về trước. Ta hãy phân những giai đoạn của cuộc tranh luận ấy, chia ra làm hai phái khen chê, sau cùng đưa ra ý kiến chiết trung về vấn đề luân lý truyện Kiều.

Ý Kiến Các Nhà Phê Bình

1. **Từ khi xuất hiện cho đến 1919:** Các nho sĩ đồng thời với cụ Nguyễn Du thường thức Kiều và cho truyện có một giá trị cao. Mộng Liên Đường chủ nhân đã tỏ cảm tình đặc biệt đối với cụ Tiên Điền trong một bài tựa nghiêm trang. Ấy là chưa kể các bậc vua chúa như Minh Mạng, Tự Đức cùng triều thần đem truyện Kiều ra ngâm vịnh. Trong các bậc danh nho thời bấy giờ ta nên kể thi sĩ Chu Mạnh Trinh. Họ Chu đã cảm Kiều, yêu Kiều mỗi lần khi nói đến Kiều, y như là ông nhắc đến một tình nhân với giọng điệu tha thiết: *“Ta cũng nài tình thương người đồng điệu, cái kiếp không hoa lâm cảm, con hồn xuân mộng băng khuâng; đã toan đúc sẵn nhà vàng cho người quốc sắc; lại muốn mượn chùm phương thảo hủ vía thuyền quyên.”*

Có những nhà nho không hoàn toàn tán thưởng truyện Kiều. Các cụ không đời nào chịu được những hành vi của một cô Kiều lãng mạn si tình. Ta nên kể cụ Nguyễn Công Trứ, cụ Tam Nguyên Yên Đổ.

Uy Viễn Tướng Công nhận Kiều có hiếu, nhưng chỉ hiếu ở giai đoạn đầu, còn phần sau thì thờ thần phụ nghĩa Kim Trọng. Nàng không thể dùng chữ hiếu để che đậy thói tà dâm của mình được. Cụ viết:

*Đã biết má hồng thời phận bạc,
Trách Kiều nhi chưa vẹn tấm lòng vàng.
Chiếc quạt, thoa đành phụ nghĩa với Kim lang,
Nặng vì hiếu nhẹ vì tình thời cũng phải.
Từ Mã Giám Sinh đến chàng Từ Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chôn thanh lâu.
Bây giờ Kiều còn hiếu vào đâu,
Mà bướm chán ong chường cho đến thế!
**Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm**
Bán mình trong bấy nhiêu năm.
Dễ đem chữ hiếu mà làm được ai,
Nghĩ đời mà ngại cho đời.*

Cụ Nguyễn Khuyến kín đáo hơn. Cụ không chỉ thẳng vào mặt Kiều mà ôn tồn phủ nhận giá trị tinh thần của Kiều:

*Kiều nhi giác mộng thực nực cười,
Tĩnh dậy xuân xanh quá nửa rồi,
Số kiếp bởi đâu mà lận đận.
Sắc tài cho lắm cũng lồi thoi,
Cành thoa vườn Thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chẳng xuôi.
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vớt lấy một phần đui.*

2. **Từ 1919 đến 1942:** Giai đoạn này bắt đầu từ lúc ông Phạm Quỳnh ca ngợi truyện Kiều ở bài báo Nam Phong. Ông viết: “... Có cái đức nghiêm của người liệt nữ mà lại có cái vẻ tài tình của khách phong lưu, hạnh đủ khiến kính, tài tình đủ khiến yêu, giá trị đủ khiến quý, thân thế đủ khiến thương, vì cảnh ngộ nhà phải nặng kiếp hoa đào, trong tình ý vẫn ra người tiết nghĩa ở nơi ô trọc mà vẫn giữ được tiết thanh cao, gặp cảnh gian nan mà không hề dấn đuối, Kiều nương thật là gồm được cả bấy nhiêu tính cách, nên ai đọc truyện Kiều cũng phải kính, phải thương, phải yêu, phải trọng.” (Nam Phong tạp chí số 30, tháng 12, 1919 trang 489)

Sau Phạm Quỳnh ta nên kể học giả Trần Trọng Kim, người có cái học mới, có thiện cảm với truyện Kiều. Ông viết như sau trong bài tựa truyện Kiều: “*Tình ái như nàng Kiều trước sau biết nặng lời non nước, biết lấy **hiếu làm trinh**, biết nhân biết nghĩa thì sao lại không cho là có luân lý cho được? Ta nay cứ xem truyện Kiều không phải là chỉ vì văn hay ý sâu mà thôi, nhưng lại vì những điều nhân, nghĩa, trí, tín nữa. **Thật là một quyển sách rất có luân lý.***” (Tựa truyện Kiều, do nhà Tân Việt xuất bản)

Phạm Quỳnh là đại diện cho bọn người xem Kiều như là quốc túy quốc hồn của Việt Nam, Kiều là một quyển truyện luân lý rất sống, dạy người ta những điều lễ, nghĩa, trí, tín, nòng cốt của đạo làm người.

Phong trào tán tụng rầm rộ truyện Kiều đã làm các nhà nho phần nộ mà đại diện là hai cụ Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng.

Cụ Ngô Đức Kế đã phê bình Kiều một cách nghiệt ngã. Cụ mạt sát những kẻ tán thưởng truyện Kiều. Cụ phản đối việc dùng truyện Kiều làm sách giáo khoa vì thanh niên say mê truyện Kiều đã quên hết bổn phận công dân, không có chí tiên thủ và sẽ trụ lạc: “*Văn tuy hay, mà truyện là truyện phong tình, thì có vẻ ‘**ai dâm sâu oán đạo đục tăng bi**’, tám chữ không tránh đàng nào cho khỏi... Trong nhà, ngoài đường, trên trời, dưới đất, đâu đâu cũng Kiều, cứ xem hiện trạng ấy thì nước Việt Nam ngày nay gọi là **Kim Vân Kiều Quốc**, nòi giống Việt Nam gọi là **Kim Vân Kiều tộc** cũng đúng lắm chứ không sai đâu! Ôi! Than ôi! Kim Vân Kiều mà cai trị nước Việt Nam, thì xã hội Việt Nam không nói cũng biết rồi.*” (Chánh Học Cùng Tà Thuyết trong Hữu Thanh tạp chí số 21 ngày 1-9-1924)

Cụ Huỳnh Thúc Kháng trong báo Tiếng Dân năm 1934, tỏ ý tán thành ý kiến cụ Ngô Đức Kế và cho rằng truyện tiểu thuyết “*phong tình hối dâm kia không đáng làm sách dạy, gieo cái nóc gió giăng hoa liễu trong não thanh niên nam nữ ta.*” Cụ cũng cho rằng truyện Kiều hay về văn chương, nhưng văn chương có hay đến đâu mà có hại cho sự tiến bộ của quốc dân, đầu độc tinh thần quốc gia thì cũng nên khai trừ.

Thi sĩ Tản Đà cũng phản đối hành động Kiều hầu rượu cho Hồ Tôn Hiến, cụ không quyết liệt như cụ Ngô và Huỳnh, nhưng mỉa mai chua độc:

*Tiếng sấm ân tình bốn mặt ran,
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn,
Đôi hàng nước mắt đôi làn sóng,
Nửa đám ma chồng nửa tiệc quan.
**Tổng đốc có thương người bạc mệnh.
Tiền đường chưa chắc má hồng nhan.**
Trơ trơ nắm đất bờ sông nọ,
Hồn có xa nghe thấy tiếng đàn.*

Thi sĩ phủ nhận giá trị của nàng Kiều, nghi ngờ dạ thủy chung của nàng đối với Từ Hải. Nếu quan Tổng Đốc thương người bạc mệnh, cất cho lên làm bà Tổng Đốc thì chắc tiền đường chưa phải là mồ chôn kẻ má hồng!

3. **Từ 1942 đến 1959:** Ở giai đoạn này cuộc tranh luận có vẻ khoa học hơn, áp dụng phương pháp phê bình Tây Phương. Đại diện cho lớp người mới này có ông Nguyễn Bách Khoa. Ông phê bình độc đoán và dùng duy vật biện chứng để thẩm định giá trị truyện Kiều. Ông viết: “*Kiều ... một tâm hồn vô cùng dâm đảng, luôn luôn bắn khoả với những hình ảnh ‘loan chung phượng chạ’ và luôn luôn mơ tưởng tới những điều ‘tiệc lục tham hồng’.*” (Nguyễn Du và Truyện Kiều trang 156 nhà xuất bản Thế Giới Hà Nội năm 1951).

... “*Theo sức thôi thúc của tinh lực dâm đảng rất phong phú trong người, nàng đã yêu Kim Trọng ngay không suy tính, nhưng thói tục và lương tâm bắt ‘nàng e lệ nép vào dưới hoa’ rồi ‘tình trong như đã mặt ngoài còn e’ mà nàng vẫn không ghìm được căn tính nó khiến nàng còn phải ‘nghe theo’ nhìn khách khi ngựa đã lừng thừng ra về.*” (Tác phẩm kể trên trang 159).

Ngoài Nguyễn Bách Khoa đã công kích truyện Kiều hay nói riêng luân lý nàng Kiều, ta nên kể ông Thạch Lam. Trong Phụ Nữ Tân Văn ra ngày 30-5-1930. Thạch Lam viết: “*Kiều không biết giữ danh dự cho chu đáo, không biết cái danh dự khắt khe của các bậc chí sĩ anh hùng ở trong các truyện La Mã, Hy Lạp không biết giữ tiết cho thật sạch, giá cho trong... cuộc đời nhiều chỗ đáng chê: gặp khi nhục nhã chỉ biết chiều lòng như hồi trốn theo với Sở Khanh bị bắt về, bị đòn giã lại năn nỉ ‘chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa’. Ôi! cái lòng trinh bạch ấy, cái danh dự ấy sao mà dở lắm vậy!*”

Ý Kiến Chiết Trung

Theo Hà Như Chi, ta nên phân ra làm luân lý nàng Kiều và luân lý truyện Kiều để cho rõ, tuy cả hai phần chỉ là một.

1. **Luân lý nàng Kiều:** Các cụ chê trách Kiều vì hai lẽ:

- Kiều giao ước với Kim Trọng khi chưa có mối manh nửa đêm sang nhà Kim Trọng để thăm tình nhân. Kiều không để cha mẹ “đặt đầu ngòi đày” mà tự do luyến ái.
- Tư cách Kiều không cao quý, đã giao ước với Kim Trọng mà trong cuộc đời luân lạc còn gấn bó với Thúc Sinh, căm dỗ Từ Hải hai bạn ra thanh lâu, đã giết Từ Hải mà còn đánh đàn hầu rượu cho Hồ Tôn Hiến, (theo Hà Như Chi, trong Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, nhà Tân Việt xuất bản, trang 148). Về cốt thứ nhất, giáo sư Dương Quảng Hàm đã đưa ra những lý xác đáng bênh vực cho Kiều:

Cứ theo quan niệm mới về hôn nhân để cho trai gái có quyền lựa chọn miễn là trước khi lấy nhau phải được cha mẹ ưng thuận thì việc làm của Thúy Kiều kể cũng không đáng trách, vì tuy nàng có thể thốt với Kim Trọng nhưng vẫn giữ được sự trong sạch và vẫn đình ninh dành quyền quyết định cho cha mẹ:

*Thói nhà băng tuyết chất hần phi phong:
Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.*

Đó là câu Thúy Kiều trả lời Kim Trọng khi chàng ngỏ lời yêu nàng Kim Trọng cũng thuận theo ý ấy, chỉ xin Thúy Kiều ưng trước rồi sẽ nhờ mối lái hỏi nàng theo lễ tục thường:

*Chút chi gấn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh.*

Lại chính Thúy Kiều đã lấy lời lẽ đoan chính mà răn Kim Trọng khi thấy chàng có ý lả lơ:

*Đã cho vào bạc bó kinh,
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tuông trên bệc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi.*

Xem thế thì biết Thúy Kiều tuy là một người giàu về tình cảm nhưng không phải là con người đam mê tình dục, thực đúng như lời vãi Giác Duyên đã phán đoán:

Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm.

Phương chi Thúy Kiều, sau mười lăm năm lưu lạc, lại gặp tình nhân, nàng tự cho thân mình là xấu xa không còn xứng đáng với người yêu xưa, nên dù Kim Trọng nài ép, cũng nhất định xin đổi tình vợ chồng thành tình bè bạn để giữ lấy tâm lòng trong sạch, lấy chữ ‘trinh’ trong tâm hồn thay cho chữ ‘trinh’ về thân thể đã mất. Xem thế thì biết Thúy Kiều là một người đàn bà có tính tình cao thượng.

Vả chẳng, xét cả thân thể nàng Kiều, dù có cho việc vượt ra ngoài vòng lễ tục ấy là một điều lỗi thì việc nàng bán mình chuộc tội cho cha, hy sinh chữ tình để theo trọn chữ hiếu cũng đủ chuộc được điều lỗi của nàng. Vì sự hy sinh ấy mà trong mười lăm năm nàng phải chịu bao nỗi khổ sở, khổ vì cảnh ngộ đã đành, mà thứ nhất là khổ vì mối chung tình với Kim Trọng. Thế thì ta chỉ nên thương hại thay cho nàng, chứ không nên trách nàng đã yêu vụng dẫu thăm chàng Kim.” (Việt Nam Văn Học Sử Yếu. Thiên thứ năm, chương thứ mười tám trang 366).

Về lẽ thứ hai ta thấy rằng Kiều không là một đàn bà đã thỏa. Đã gắn bó với chàng Kim, nhưng vì gia biến, nàng phải bán mình chuộc cha, xem hiếu nặng hơn tình. Nguyễn Bách Khoa cho Kiều dứt tình chẳng chút do ư. Điều đó sai chẳng vì Kiều đã khóc lóc đau khổ. Vả chẳng, trên bước đường lưu ly, tuy thân xác không còn trong sạch, nhưng lúc nào Kiều cũng nhớ tới người tình xưa. Suốt mười lăm năm luân lạc hình bóng chàng Kim luôn luôn hiện diện ở tâm hồn Kiều. Vì cảnh ngộ nên Kiều phải yêu Thúc Sinh, thương Từ Hải. Hai chàng này bất quá cũng chỉ là cái bến tạm dừng mà nàng Kiều bám lấy để đừng trôi nổi trên bề đời giông tố. So sánh mối tình của Thúc Từ, ta thấy kém xa mối tình đối với Kim Trọng. Điều đó chứng tỏ Kiều luôn luôn chung thủy với người xưa. Ta có trách Kiều là trách việc nàng đành lòng đánh đàn cho Hồ Tôn Hiến. Từ Hải vì đã nghe lời Kiều mà chết, thì Kiều nên chuộc cái điều sống đục sao bằng thác trong, đấng này nàng đã cố ở lại dưới trướng kẻ đã giết chồng mình.

2. **Luân lý truyện Kiều:** Truyện Kiều bị các cụ liệt vào hạng dân thư, nên có câu:

*Đàn ông chớ kể Phan Trần,
Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều.*

Truyện Kiều có phải là một dân thư không? Trả lời câu hỏi ấy tức là giải quyết vấn đề tâm luân lý truyện Kiều. Vì lý do gì có người cho truyện Kiều là một dân thư. Ta nên kể theo Vũ Khắc Khoan:

- Truyện Kiều là chuyện phong tình như tác giả đã báo trước ở đầu bài: “*Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh*”.
- Hành vi và tâm lý của Thúy Kiều: hành vi và tâm lý của cô gái lãng mạn.
 - Mới gặp Kim Trọng đã yêu.
 - Khóc than ở mả Đạm Tiên.
 - Tự do gắn bó với Kim Trọng.
 - Sang nhà Kim Trọng, nói chuyện đánh đàn suốt đêm.
 - Theo Sở Khanh.
 - Yêu Thúc Sinh.
 - Yêu Từ Hải.
 - Đánh đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe.
- Trong ***Đoạn Trường Tân Thanh*** có những đoạn thơ gợi tình, mô tả chuyện lầu xanh.
 - Cuộc động phòng với Mã Giám Sinh.
 - Cảnh Kiều tắm khỏa thân.
 - Tú Bà dạy Kiều nghề nguyệt hoa.

Ta nghĩ thế nào về những vấn nạn nêu lên ở trên? Về hành vi cô Kiều, giáo sư Dương Quang Hàm đã giải rõ ở phần ta trích ở trên. Còn những câu thơ gọi tình, v.v.? Ta nghe giáo sư nói tiếp: “... tác giả ... dùng lời văn rất thanh nhã kín đáo, không hề tục tằn bộc lộ, chỉ khiến cho người đọc hiểu việc mà sinh lòng hoặc thương hại cho Thúy Kiều, hoặc ghê tởm vì cảnh tượng, chứ không phải lối văn khiêu khích dục tình. Như đoạn hôm động phòng của Mã Giám Sinh với Thúy Kiều, tác giả đã viết (câu 845-852):

*Tiếc thay một đóa trà mi,
Con ong đã tổ đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ.
Nỗi riêng tâm tả tuôn rơi,
Phân cãm nỗi khách, phân dơ nỗi mình.*

Ta đọc mấy câu văn kín đáo ấy, cũng như nàng Kiều, ta chỉ căm giận về thói vũ phu của một kẻ phạm tục mà thương xót cho thân phận một người con gái tuyệt sạch giá trong chả may sa vào nơi bùn lầy dơ bẩn.

Đến đoạn tả Kiều tắm: (1309-1312)

*Buồng the phải buổi thông dong,
Thang lan rủ bước trướng hồng tắm hoa
Rõ ràng trong ngọc, trắng ngà,
Rành rành sẵn đúc một tòa thiên nhiên”.*

Tuy tả việc rất thô mà lối văn thanh nhã biết chừng nào!

Đọc bốn câu thơ ấy ta có cảm giác về mỹ thuật khác nào đứng trước một pho tượng khỏa thân của một nhà điêu khắc tạo ra, chứ không hề có cái cảm giác về nhục dục. (Việt Nam Văn Học Sử Yếu, thiên V chương XVIII, trang 365-366).

Kết Luận Luận Lý Đoạn Trường Tân Thanh

Xưa kia, vấn đề luận lý truyện Kiều là đầu đề cho cuộc tranh luận ráo riết giữa các nhà nho và nhà tân học. Vì một bên có quan niệm văn dùng để chuyên chở đạo lý: văn dĩ tải đạo, một bên có quan niệm dùng văn chương để biểu lộ cảm nghĩ của con người. Ngày nay vấn đề luận lý ấy không còn quan trọng nữa. Ai cũng thấy truyện Kiều không phải là một dăm thư mà là một sự tiến bộ, vì kẻ sáng tạo ra nó không những tôn sùng đạo đức mà còn là một thi nhân vị nghệ thuật. Ta mượn lời Đào Duy Anh mà kết luận:

“Lời tán tụng cũng quá đáng như sự mạt sát, mà quá đáng vì hai bên đều lấy tư tưởng luận lý mà phê bình một tác phẩm nghệ thuật”. (Khảo luận về Kim Vân Kiều)

Giá Trị Nghệ Thuật Của Đoạn Trường Tân Thanh

Trong **Khảo Luận Về Kim Vân Kiều**, Đào Duy Anh viết: *“Chúng ta sở dĩ yêu chuộng truyện Kiều không phải vì nó có thể làm quyển sách luận lý cho đời mà chỉ vì trong sách ấy Nguyễn Du đã dùng những lời văn kỳ diệu để rung động tâm hồn ta... chỉ vì Nguyễn Du đã gieo vào lòng ta những hứng thú tế nhị thanh tao cùng những mối cảm tình thương người, nhất là thương người phải dầy vò vì phận mệnh.”*

Đào Duy Anh hoàn toàn cho văn chương truyện Kiều là hay, là thần tình, nhưng ông còn thêm rằng: *“Cái hay của truyện Kiều không ai là không cảm thấy. Nhưng hiểu biết cho hết cái hay ấy là một điều rất khó mà giải thích cho ra hết cái tinh vi vấn đề ấy là một điều khó nữa.”*

Trong **Thi Nhân Việt Nam**, Hoài Thanh đã dùng trực giác để mà cảm cái hay của truyện Kiều, nghĩa là không suy luận viển vông mà phải trực tiếp đón cái hay ấy bằng tâm, bằng thần. Ông viết: *“Cái đẹp của **Đoạn Trường Tân Thanh**, cái chất thơ bàng bạc trong cả truyện cần phải được cảm thấy một cách hồn nhiên. Cứ phân tích, cứ giảng giải nó sẽ tan đi. Đến đây phải im hơi, nhẹ bước mới hòng nhận được cái đẹp khi dịu dàng thùy mị, khi tráng lệ huy hoàng.”* Hoài Thanh cho là không thể dùng phân tích mà hiểu một thiên tài; muốn thưởng thức thiên tài ấy, con người thưởng thức phải có thái độ rình mò, giống như một nhà trinh thám; có thể như thế mới mong thấy được cái đẹp.

Hai nhà phê bình trên đây, dù đứng trên lập luận nào, vẫn đồng ý cho truyện Kiều là hay. Trái lại, Nguyễn Bách Khoa, trong cuốn **Văn Chương Truyện Kiều**, đã phủ nhận giá trị văn chương và nghệ thuật của quyển truyện; ông cho rằng cái hay của truyện Kiều có thể dùng phân tích để mổ xẻ, dùng khoa học để tìm cho ra ngọn nguồn. Ông kết luận: *“Truyện Kiều chứa chan một chất tàn héo tiêu ma (chất thơ). Nó là kết tinh phẩm của một chặng đường suy đồi nhất trên tràng kỳ tiến hóa của cá*

tính Việt Nam. Cái đẹp của truyện Kiều ngày nay chỉ những tâm hồn muốn thụt lùi mới có thể thưởng ngoạn được. Có ba nhà phê bình đều tỏ ra cực đoan. Thiên tài dù sao cũng có thể cắt nghĩa được, có thể dùng phân tích để hiểu, nhưng có giới hạn.” Nguyễn Bách Khoa đã đi từ cực đoan này sang cực đoan khác, hoàn toàn dùng mô xẻ khoa học để hiểu một con người văn nghệ. Tuy những nhận xét của ông có vẻ sắc sảo, nhưng phương pháp của ông máy móc quá, không thích hợp cho một công việc đòi hỏi nhiều cảm thông, chủ quan hơn là khách quan.

Muốn thưởng thức thiên tài ấy, ta phải mở rộng tâm hồn, vì thiên tài là kết tinh của nhiều năng khiếu.

Giá Trị Văn Chương Của Đoạn Trường Tân Thanh

Xưa nay ai cũng cho rằng văn chương truyện Kiều là hay, là đáng thưởng thức; ngòi bút Nguyễn Du đã đến chỗ nhập thần, kiếm bị đứt mọi lối văn; kết cấu câu chuyện tự nhiên mà đột ngột, gây cho người đọc nhiều thú vị bất ngờ.

Kết Cấu

Nhận xét về cách kết cấu trong truyện Kiều, Vũ Đình Long, có viết như sau: (ở báo Nam Phong, số 81 tháng 3 năm 1924, trang 216) “... có chủ não, bao nhiêu việc đều quay về cái chủ não ấy. Chủ não đã là chữ tình làm hy sinh cho chữ hiếu thời bao nhiêu việc trước sau nhờ hy sinh đó đều là những việc khiến cho độc giả ai cũng phải hết lòng thương người vì hiếu quên tình, mà đến cả chỗ kết cục, đoàn viên cũng là thuộc chủ não truyện Kiều, vì Kim Kiều được đoàn tụ há chẳng phải là cái phần thưởng đích đáng cho người hiếu nữ?... Cốt cách truyện Kiều thật tâm thưởng, thế mà chỗ thắt chỗ gỡ, chỗ chuyển tự nhiên mà khéo quá, khiến cho người đọc có hứng thú, ham mê đọc mãi cho đến cùng.”

Cách kết cấu khéo léo của Nguyễn Du còn do một nghệ thuật gây bất ngờ, làm cho người đọc ngạc nhiên, vì không đoán được chuyện sắp tới. Vũ Đình Long viết tiếp “...Cụ còn có một bí thuật làm cho cái hứng vị tăng tiến từ đầu cho đến cuối truyện... Những việc vặt của câu truyện phải giữ gìn cái hứng vị ấy, không bao giờ báo trước cho độc giả những việc sau... Kim Kiều tình cờ gặp nhau, đến lúc gắn bó vừa chặt thì phải rời nhau, vừa rời nhau thì phải vì cha bán mình, thành ra tan nát cuộc nhân duyên, mà tấm thân nghìn vàng của người tài nữ thành ra lênh đênh như cánh bèo mặt nước. Độc giả trước khi đọc tới chỗ thắt khe đó, ai mà đoán được...”

Nhận xét về cách kết cấu, giáo sư Dương Quảng Hàm có viết: “Cách kết cấu toàn thiên đã có phương pháp, cách sắp đặt trong mỗi hồi mỗi đoạn lại phân minh. Các

câu chuyện thật là thần tình khéo léo.” (Việt Nam Văn Học Sử Yếu thiên V chương XVIII trang 368).

Tả Người

Các nhân vật trong truyện Kiều, dưới ngòi bút của Nguyễn Du thì người nào ra người ấy. Thi sĩ dùng vài nét hoạt họa hay tâm lý là có thể làm cho độc giả hiểu được con người ấy, không cần phải dài dòng lời thôi.

Tả Kim Trọng một văn nhân:

*Đề huê lưng túi gió trăng,
Sau lưng theo một vài thằng con con.*

Hai câu thơ đã tả được cái thái độ ung dung và tài tử của con người Kim Trọng. Tính tình tâm lý của chàng thanh cao, dù tác giả không nói lên điều ấy.

Tả Mã Giám Sinh:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.*

Hai câu thơ tả hình dung bên ngoài của bọn đạo đức giả. Nhưng cái vỏ ấy bị lột trần dưới nét bút tài tình của Nguyễn Du:

*Trước thầy sau tớ xôn xao,
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghé trên ngòi tót sỗ sàng.*

Cử chỉ *ngòi tót, xôn xao* tố cáo một hạng người bỉ ổi quen sống với cuộc đời giả dối.

Nói tóm lại, nghệ thuật tả người của cụ Nguyễn Du vừa hoạt họa vừa ước lệ, đường lối nghệ thuật không có gì đặc sắc, không làm cho người đọc thích thú bằng nghệ thuật tả cảnh.

Tả Cảnh

Nghệ thuật của Nguyễn Du cũng là nghệ thuật cổ truyền có tính cách chủ quan, lãng mạn, tả chân và tượng trưng.

Nhận xét về lối văn tả cảnh của Nguyễn Du, giáo sư Nghiêm Toàn có viết: “...trong **Đoạn Trường Tân Thanh**, luôn luôn có những bức tranh nhỏ nhỏ như những hạt kim cương rải rắc đính trên một tấm thêu nhung. Tỉ dụ đoạn Thúy Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri (c. 911-918) chúng ta có một bức tranh thu, thu cảnh hợp với thu tình, làm cái khung thiên nhiên chứa đựng cả một tâm hồn cũng man mác như trời; tâm hồn người thiếu nữ lìa cửa, lìa nhà, dấn thân vào nơi ‘đất khách xa xôi’ ngổn ngang trăm mối tơ vò, ngây ngất những nhớ nhung thương tiếc.” (Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu, trang 122.)

Nhận xét về lối tả cảnh Vũ Đình Long cũng có viết: “...Cụ rất mến cảnh thiên nhiên, nên văn cụ rất có nhiều chỗ tả cảnh, có khi cụ dừng bước trên dạp cầu nhỏ bắc ngang cuối ghềnh, ngắm dòng nước nao nao uốn quanh như khúc rắn, hoặc bên nắm đất sè sè ở bên đường, ngọn cỏ rầu rầu xanh vàng pha lộn...” (Tác phẩm đã dẫn.)

Giáo sư Dương Quảng Hàm cũng có viết: “tả cảnh thì theo lối phác họa mà cảnh nào cũng linh hoạt khiến cho người đọc cảm thấy thi vị của mỗi cảnh và cái tâm hồn của mỗi vai ở trong cảnh ấy.” (Tác phẩm đã dẫn.)

Nguyễn Du tả cảnh chủ quan, thi nhân không để cho tâm hồn bình lặng, vô tư, mà nhìn cảnh theo nhịp điệu tình cảm của mình, nhìn cảnh qua tâm hồn mình cho nên cảnh phải tùy theo từng trạng thái của tâm hồn mà có màu sắc tươi sáng hay âm u.

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Hai câu thơ tả cảnh mang nặng màu sắc chủ quan, nói lên được cái tâm trạng băng khuâng của một người con gái lúc bắt đầu yêu và niềm hy vọng như chan hòa trong treò chảy theo dòng nước dưới cầu. Lối tả cảnh luyến tình này đã gây được những mối cảm xúc nhẹ nhàng và tế nhị trong lòng người đọc.

Nghệ thuật tả cảnh của cụ Nguyễn Du còn có tính cách tả chân nữa. Nét vẽ linh động, chứng tỏ thi nhân dù có chủ quan đến đâu cũng có những lúc biết nhìn thiên nhiên theo sự thật ở ngoài:

*Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phơi ánh vàng.*

Hai câu thơ tả cảnh trời chiều, lúc ánh dương đã xế, phản chiếu làn nước bạc.

Những đường nét tượng trưng trong nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du cho ta tưởng tượng ra những cảnh như dòng nước mắt:

*Vi lô san sát hơi may,
Một trời thu để riêng ai lạnh lùng.*

Đây là cảnh thu lạnh lẽo, có gió nhẹ, buồn và ảm đạm, v.v..

Tả Tình

Văn tả tình của cụ Nguyễn Du là tất cả nghệ thuật của cụ. Qua ngòi bút của tiên sinh, sự truyền cảm rất mạnh mẽ, cụ đã gây được những rung động nơi lòng người đọc nhờ ở sự nhận xét tâm lý sâu sắc, tinh tế.

Tóm lại, bàn về những tiểu xảo của truyện Kiều, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam có viết: “*Giọng văn Kiều khi thì cứng cõi, sắc sảo, hùng tráng, nã nùng, cay nghiệt, khi thì êm đềm, nhẹ nhàng, thanh tú, mát mẻ, dịu dàng; văn Kiều thật là tả được hết ý, văn đã tả được hết ý là văn hay. Nhưng câu thơ hình như gọt dũa, từng ly từng tí đổi một chữ cũng không được... Trong truyện Kiều chữ nào cũng cân nhắc, so sánh, đổi một chữ đi là kém hay ngay.*

“Trong Kiều như câu:

*Trẻ **thơ** đã biết đâu mà dám thưa.*

“*Vì chữ **thơ** nên câu văn mới nổi giá trị, mới có vẻ êm ái và dịu dàng, rõ ra lời nói của một người con gái đẹp còn trẻ tuổi; nếu bỏ chữ ấy chắc không thay vào được. Chữ **thơ** trong câu văn ấy tức là một ngón tay lạ lùng, chạm khẽ vào óc ta như chạm vào một dây đàn, rồi trong linh hồn ta như vang lên một tiếng thanh tao. Tiếng thanh tao ấy tức là dáng điệu có vẻ đáng yêu của cô Kiều mà ta hình dung ra như đọc đến câu thơ đó. Ấy một chữ cũng có thể thêm ý thêm hay cho câu văn như thế.*

“*...Cứ xét trong toàn thiên truyện Kiều, ta thường hay gặp những chữ đôi, những chữ ấy cũng dự một phần khá to trong cách làm văn. Ví dụ như hai câu:*

*Sợ lằn khôn quá ra sòm sỡ chẳng.
Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa.*

*Toàn là những câu hay cả, mà hay cũng vì có những chữ **lằn khôn, sòm sỡ, bâng khuâng, ngậm ngùi.***

“*...Những chữ ấy thường khi đôi nghĩa nhau nữa. Ví dụ:*

*Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.
Cho duyên đậm thắm ra duyên bẽ bàng.*

“...Làm văn vốn vẫn tắt, nghĩa là dùng ít chữ để nói nhiều ý, gồm cả bao nhiêu tư tưởng vào một câu văn:

Canh khuya thân gái dặm trường.

Trong câu thơ có sáu chữ mà nói được nhiều ý, tả được nhiều dáng như vậy, thật là khéo lắm... Canh đã khuya, lại một mình thân gái trên con đường dài vô tận, thật là đủ tả cái sợ, cái buồn của một cô con gái nhà khuê các bỗng nhiên phải lạc loài, bơ vơ nơi đất khách...” (Nam Phong Tạp Chí số 79 tháng Janvier 1924 trang 30)

Địa Vị Truyện Kiều Trong Nền Văn Học Việt Nam

Truyện Kiều ngày nay không còn bị coi là một dâm thư, chứa chất tinh chất “Ai dâm sâu oán đạo đục tăng bi” nữa mà có một địa vị xứng đáng bậc nhất trên thi đàn Việt Nam vì những đặc tính:

- Văn chương điêu luyện từ tả người, tả cảnh, tả tình, thuật sự, đàm thoại, v.v..
- Truyện Kiều là kết tinh của nền văn học kể từ khi có chữ Nôm.